

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9-2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoan;

2. Bà Nguyễn Thị Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2018/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Th, sinh năm 1973; trú tại: Thị Tứ Ph, xã Ph, huyện K, tỉnh Hải Dương (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Văn B, sinh năm 1969; trú tại: Thị Tứ Ph, xã Ph, huyện K, tỉnh Hải Dương (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị Th trình bày: Chị và anh Đặng Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện L, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/01/1992. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng bố mẹ anh B tại

xã L, huyện L, đến năm 2000 anh chị vào tỉnh Lâm Đồng làm ăn, đến năm 2010 chị và các con về quê chị tại xã Ph, huyện K ở, còn anh B vẫn thường xuyên đi lại vào tỉnh Lâm Đồng làm ăn, đến tháng 3 năm 2018 anh mới ra huyện K ở hẳn cùng mẹ con chị. Kể từ năm 2010, khi chị và các con về huyện K ở, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B ghen tuông vô cớ, thường xuyên đánh chửi chị, có lần đánh chị phải đi khám, điều trị tại bệnh viện; hiện anh chị vẫn sống cùng nhà nhưng không quan tâm gì đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn.

Về con chung: Chị và anh B có 03 con là Đặng Tuấn A, sinh ngày...1993; Đặng Thu Ng, sinh ngày...2000 và Đặng Quốc C, sinh ngày...2007. Chị đề nghị, sau khi ly hôn chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thu Ng và cháu Quốc C, hiện chị làm nghề kinh doanh tự do, thu nhập từ 9 đến 10 triệu đồng/tháng nên chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng cho con. Cháu Tuấn A đã thành niên, có khả năng lao động nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn – anh B trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống, con chung đúng như chị Th trình bày, còn nguyên nhân mâu thuẫn là do đầu năm 2017 anh nghe tin chị Th thiếu chung thủy với anh, đặc biệt là vào tháng 7 năm 2018 anh bắt quả tang chị vào nhà nghỉ với người đàn ông khác nên anh đã đánh chị. Anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị Th đã rất trầm trọng nhưng anh vẫn yêu chị nên không nhất trí ly hôn. Nếu chị Th kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý để chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng, cháu C theo nguyện vọng của chị.

Về quan hệ tài sản chung: Chị Th, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai ngày 31/7/2018: Cả cháu Đặng Thu Ng và cháu Đặng Quốc C đều muốn được ở với mẹ (chị Th) sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên Tòa: Chị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh B; giao 2 con Đặng Thu Ng và Đặng Quốc C cho chị nuôi dưỡng; chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng cho con. Ngoài ra, chị không có yêu cầu, đề nghị nào khác.

Bị đơn là anh Đặng Văn B vắng mặt, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Th đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự

(BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử cho chị Trần Thị Th ly hôn anh Đặng Văn B; giao cho chị Th nuôi dưỡng cả 2 con là Đặng Thu Ng và Đặng Quốc C; chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng cho con; chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai song bị đơn (anh B) vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Th và anh Đặng Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã L, huyện L nơi sinh sống của anh B khi đó tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hôn nhân giữa chị Th và anh B là hợp pháp.

[3] Chị Th xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn, anh B không nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B nghi ngờ chị Th có quan hệ với người đàn ông khác nên thường xuyên đánh chửi chị; cả anh và chị đều xác định mâu thuẫn đã trầm trọng; chính quyền địa phương xã Ph nơi anh chị sinh sống cũng như cháu Đặng Thu Ng là con của anh chị xác định anh thường xuyên có hành vi đánh chửi, xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự của chị và cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Như vậy, chính anh B là người có hành vi bạo lực gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Th ly hôn anh B.

[4] *Về quan hệ con chung:* Chị Th và anh B có 03 con là Đặng Tuấn A, sinh ngày...1993; Đặng Thu Ng, sinh ngày...2000 và Đặng Quốc C, sinh ngày...2007. Chị đề nghị, sau khi ly hôn chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng và cháu C, chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng cho con; anh B nhất trí. HĐXX thấy rằng, hiện chị Th kinh doanh tự do, có chỗ ở, thu nhập ổn định hàng tháng từ 9 đến 10 triệu đồng; cả cháu Ng và cháu C đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Căn cứ vào điều kiện thực tế, nguyện vọng của con, quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nhằm đảm

bảo quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con là cháu Ng và cháu C; chấp nhận sự tự nguyện của chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng cho con. Đối với cháu Tuấn A đã thành niên, có khả năng lao động nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng.

[5] *Về quan hệ tài sản*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Th khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về...án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trần Thị Th ly hôn anh Đặng Văn B.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho chị Trần Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 2 con là Đặng Thu Ng, sinh ngày...2000 và Đặng Quốc C, sinh ngày...2007 cho đến khi đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh B phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Trần Thị Th phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000576, ngày 27 tháng 6 năm 2018.

4. *Về quyền kháng cáo*: Chị Trần Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 11/9/2018; anh Đặng Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã Ph, H.K;
- UBND xã L, H. L;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Quốc Quân

- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: V.Phòng.